

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI

## Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, ĐIỂN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC

- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859-3917

*Xuân  
Ất Tỵ*

2025



*Đội tuyển Việt Nam xuất sắc giành ngôi Vô địch AFF CUP 2024 (nguồn: tư liệu TT)*

Số 166 (227) tháng 01/2025 (kì 2)

# Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MƯỜI CHÍN (Bộ mới)

Số 166 (227), Tháng 1/2025 (kì 2)

ISSN 1859-3917

## HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

TRẦN VĂN ĐỘ

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHĨ

TRẦN QUANG QUÝ

TRIỆU THẾ HÙNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

## TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

## TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Tổng cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 Fax: 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com

Website: www.giaoducvaxahoi.vn

## VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Toà nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoiibt@gmail.com

## TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 229/GP-BTTTT ngày 02/6/2020 - Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 50.000 đồng

# MỤC LỤC - CONTENTS

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 3 Nguyễn Thị Thảo:** Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc, đức tin và lòng yêu nước trong giai đoạn hiện nay - Applying ho chí minh's thought on religion in solving the relationship between religion and nation, faith and patriotism in the current period.
- 8 Bùi Quang Xuân - Nguyễn Hữu Chính:** Vai trò của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc hình thành nhân cách và đạo đức của sinh viên các trường đại học miền Đông Nam bộ - The Role of Ho Chi Minh's Thought in the Formation of the Personality and Ethics of Students at Universities in the Southeast Region.
- 14 Nguyễn Thị Thảo:** Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới và bước phát triển tư duy của đảng ta về xây dựng con người mới hiện nay - President ho chí minh's viewpoint on building a new people and steps in developing our party's thinking about building a new people today.
- 20 Trần Việt Quân:** Bệnh lười học lý luận chính trị của sinh viên ở Việt Nam hiện nay - Nguyên nhân và biện pháp khắc phục - Lazyness in political theory of students in Viet Nam today - causes and solutions.
- 25 Nguyễn Thị Thúy Quỳnh - Nguyễn Thúy An:** Ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh trong dạy học phần Vật sống (Khoa học tự nhiên 8) - Application of augmented virtual reality technology to improve students' digital competence in teaching living things - Natural Sciences grade 8, Middle school.
- 32 Nguyễn Minh Phúc:** Phát triển năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học thông qua sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học - Developing teaching capacity for primary school teachers through professional activities under based on lesson research.
- 38 Huỳnh Thị Kim Ngân:** Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử: Bài học xây dựng đội ngũ giáo viên thời hiện đại - Confucianism: A guiding light for building a modern teaching staff.
- 43 Nguyễn Thanh Nga - Nguyễn Giang Nam:** Vai trò của môn Tâm lý học tiêu dùng trong giảng dạy cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - The role of consumer psychology in teaching Business Administration students, Hanoi University of Industry.
- 49 Trần Thị Ngọc - Đỗ Thị Tuyết Lan:** Thực trạng và một số biện pháp phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 10 trong tạo lập văn bản thông tin đa phương thức - Current situation and some measures to develop self-study capacity for 10th grade students in creating multimodal informational texts.
- 54 Lê Thị Thanh Tâm:** Phương pháp dạy học Toán lớp 1 ở trường tiểu học - Teaching methods of grade 1 Math in primary school.
- 58 Phạm Xuân Thu:** Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương hiện nay - Improving the quality of teaching Ho Chi Minh Thought in the face of the impact of industrial revolution 4.0 at the National University of Art Education today.
- 63 Nguyễn Văn Tiên - Phạm Phú Lộc:** Phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua dạy học Thống kê - Xác suất cho học sinh lớp 4 tại Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thành phố Trà Vinh - Developing mathematical communication ability through teaching Statistics - Probability for 4th grade students at Nguyen Ba Ngoc primary school, Tra Vinh City.
- 69 Nguyễn Văn Hồng:** Thiết kế bài dạy môn Toán lớp 5 theo định hướng phát triển năng lực - Designing Math lessons for grade 5 based on competency development.
- 73 Nguyễn Thế Hùng:** Biện pháp dạy học môn Âm nhạc theo chương trình giáo dục phổ thông ở trường tiểu học - Methods of teaching Music according to the general education program in primary schools.
- 79 Phạm Thu Thủy:** Biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo lớn thông qua làm quen với bảng chữ cái - Measures to develop language for older preschoolers through familiarization with the alphabet.
- 84 Đỗ Hữu Công - Đinh Thị Bích Liên - Nguyễn Thanh Tùng - Vũ Anh Tú - Đặng Quỳnh Nga:** Phân tích và dự đoán dữ liệu từ các hệ thống IoT sử dụng Big data trong giáo dục đại học - Analysing and predicting data in iot and big data systems in higher education.
- 90 Nguyễn Cao Phong - Lương Hoàng Hên - Đoàn Ngọc Ánh Huy:** Quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và sự vận dụng mô hình trong giáo dục đại học hiện nay - Total quality management (TQM) and the application of the model in current higher education.
- 96 Cao Thanh Quỳnh - Lê Văn Hải:** Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng chuẩn đầu ra ở Trường Đại học Ngô Quyền - Improving the quality of teaching social sciences and humanities to meet output standards at ngo quyen university.
- 100 Lê Bích Phượng:** Khơi dậy cảm hứng học tập cho sinh viên thông qua các bài toán ứng dụng của Đại số Student tính và Giải tích - Awakening Learning Inspiration for Students through Applied Problems in Linear Algebra and Calculus.
- 106 Văn Minh Thoại:** Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh qua bài toán thực tiễn với xác suất có điều kiện-Toán 12 - Developing Mathematical Modeling Competencies for Students through Real-World Problems with Conditional Probability - Grade 12.
- 112 Nguyễn Khải Hoàn:** So sánh Lập trình Thủ công và Toolbox MATLAB trong Giải Phương trình IVP bằng Runge-Kutta bậc 4 - Comparison of Manual Programming and Toolbox MATLAB in Solving IVP Equations by the 4th order Runge-Kutta.
- 117 Trần Thanh Trúc:** Ứng dụng ChatGPT vào việc học kỹ năng viết tiếng anh tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng - Applying ChatGPT to learning english writing skills at hong bang international university.
- 123 Trần Minh Hoàng - Lê Thanh Hùng - Lê Thanh Dũng - Phạm Thị Phương Liên:** Dạy học môn giáo dục địa phương theo hướng tích hợp - Con đường phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh - Teaching local education in an integrated direction - the path to developing quality cosmetics, directly effective for students.
- 129 Thạch Sơn Lê - Nguyễn Thị Phương Nam:** Khảo sát những khó khăn trong việc học phát âm Tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Trà Vinh - An investigation into the difficulties in learning english pronunciation of first-year students at tra vinh university.
- 135 Lâm Quốc Huy:** Các hoạt động trước khi nghe nhằm nâng cao khả năng nghe Tiếng Anh của người học - Pre-listening activities to enhance learners' english listening ability.
- 140 Nguyễn Thị Tâm Duyên - Nguyễn Mỹ Huyền:** Xây dựng Hệ thống bảng đánh giá Rubrics ứng dụng trong đánh thực hành tiền lâm sàng của sinh viên Răng Hàm Mặt - Design of rubrics assessment system applied in evaluating pre-clinical practice of odonto-stomatology students.
- 146 Trần Thị Quỳnh Diễm - Lê Xuân Hưng - Trần Hữu Đức Nghĩa - Nguyễn Văn Nhi - Nguyễn Ngọc Quỳnh:** Tình trạng stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên Y1 Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023 và một số yếu tố liên quan.
- 153 Lê Thị Ngọc Linh:** Nghiên cứu về chiến lược nói Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) của học sinh trung học phổ thông Việt Nam - Investigation of EFL speaking strategies used among Vietnamese high-school students.

- 159 Hà Văn Tuấn:** Đưa kiến thức về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào chương trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục Việt Nam - Education of fire prevention, fire fighting and rescue in educational institutions in vietnam.
- 164 Đỗ Mạnh Thắng:** Nghiên cứu vai trò của đàn phím điện tử trong việc phát triển tư duy hòa âm của sinh viên sư phạm âm nhạc tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Studying the role of electronic separates in the development of harmonic thinking of temporal music pedagogy students at thanh hoa university of culture, sports and tourism.
- 170 Bùi Thị Mùi - Nguyễn Trọng Lăng:** Thực trạng khó khăn và giải quyết khó khăn của công tác chủ nhiệm khối lớp 2 tại các trường tiểu học thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau - The current situation of detecting and solving difficulties of grade 2 homeroom teachers at primary schools in nam can town, nam can district, ca mau province.
- 176 Bùi Thị Hương:** Nâng cao năng lực, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay - Improving capacity and responsibility for current cadres, civil servants, and public employees.
- 181 Phạm Thị Thủy:** Tội buôn lậu theo Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật - The crime of smuggling under the current Vietnamese Criminal Code and some recommendations for legal improvements.
- 186 Trần Thị Kim Ngọc - Hoàng Lê Bửu - Đỗ Tấn Đạt:** Pháp lý về quyền tự chủ về tổ chức, nhân sự đối với đại học tự chủ: Thực trạng và giải pháp - Legal Framework on Organizational and Personnel Autonomy for Autonomous Universities: Current Situation and Solutions.
- 192 Trần Hương Giang - Nguyễn Thu Linh:** Kiểm soát ủy quyền lập pháp theo pháp luật Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam - China's control on the delegation of legislative power and implications for Vietnam.
- 198 Dương Văn Quý:** Đổi mới cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại tại Việt Nam: Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế - Innovating the training and supervision mechanism for commercial mediators in vietnam: meeting the requirements of international integration.
- 204 Ngô Minh Thọ:** Thực trạng pháp luật về doanh nghiệp tư nhân và kiến nghị giải pháp - Legal status on private enterprises and recommended solutions.
- 209 Nguyễn Thị Nga:** Một số điểm mới của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 - Some new points of the 2024 urban and rural planning law.
- 215 Lê Vũ Trà My - Nguyễn Thuỳ Anh - Nguyễn Thị An Bình:** Tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong quá trình giao kết hợp đồng - kinh nghiệm pháp luật quốc tế và kiến nghị cho Việt Nam - Implications of generative ai during contracts formation - International legal experiences and suggestions for vietnam.
- 221 Nguyễn Trung Âu:** Pháp luật về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và kiến nghị giải pháp hoàn thiện - Law on management and use of donations and sponsors of religious and faith institutions and recommendations for improvement.
- 226 Đinh Thị Nhung - Hoàng Thanh Huyền - Nguyễn Hải Yến:** Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 - Những vấn đề lý luận và thực tiễn - Statute of limitations for criminal prosecution against persons under 18 years old who commit crimes under the 2015 vietnamese penal code - theoretical and practical issues.
- 230 Trần Văn An:** Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo pháp luật Việt Nam: Thực trạng áp dụng pháp luật và giải pháp khắc phục - Resolving disputes arising from contracts for linking production and consumption of agricultural products under vietnamese law: current status of law application and remedial solutions.
- 236 Nguyễn Hồng Nhung - Lê Thị Anh Mai - Phí Thị Hồng Minh:** Thực tiễn áp dụng hàng rào xanh đối với hàng hóa trong thương mại quốc tế - những cơ hội và thách thức đặt ra cho xuất khẩu của Việt Nam- The practical application of green barriers on goods in international trade - opportunities and challenges for Vietnam's exports.
- 242 Thái Ngọc Sơn:** Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về các nguồn tài chính tạo lập vốn chủ sở hữu của công ty cổ phần và kiến nghị giải pháp - Practical implementation of legal regulations on financial sources for establishing owner's equity of joint stock companies and recommended solutions.
- 247 Đỗ Hương Quân - Lê Lâm Anh - Nguyễn Diệp Anh:** Hạn chế về chuyển dữ liệu xuyên biên giới - Một số phân tích theo GATS trong WTO và đề xuất cho Việt Nam - Restrictions on cross-border data transfers - some analysis under GATS in WTO and recommendations for Vietnam.
- 254 Đặng Nguyên Vũ - Cao Ngọc Nhận - Trần Thị Minh Thi - Đơn Ngọc Xuân Mai - Phạm Trúc Quỳnh:** Yếu tố huyền ảo trong một số Truyện ngắn của Julio Cortazar nhìn từ lý thuyết vô thức tập thể của Carl Jung - The fantastical element in some of Juilo Cortazar's short stories as seen from Carl Jung's theory of the collective unconscious.
- 259 Đỗ Thị Thìn - Nguyễn Minh Thư:** Giọng điệu tạp văn Phan Thị Vàng Anh - The style of Phan Thi Vang Anh's essayistic prose.
- 265 Nguyễn Thị Phương Thanh:** Dấu ấn văn hóa qua nghệ thuật được thể hiện trong truyện ngắn của Lê Quang Trang - Cultural impressions through art shown in le quang trang's short stories.
- 271 Cao Ngọc Nhận - Trần Thị Minh Thi - Trương Thị Thanh Trúc - Phạm Trúc Quỳnh - Lê Huỳnh Mẫn Khôi:** Hành trình khám phá ý nghĩa hiện tồn của Niki Jumpei trong người đàn bà trong cồn cát của Abe Kobo từ góc nhìn văn học hiện sinh - phi lý - Niki Jumpei's journey to discover the meaning of existence in "The woman in the dunes" by Abe Kobo from the approach of existential - absurdist literature.
- 276 Trần Thị Kim Oanh:** Các nghi thức thể hiện tính cộng đồng trong tang ma của người công giáo tại Giáo xứ Tiên Chu, Biên Hòa, Đồng Nai - Catholic Funeral Rituals Show Community Spirit at Tien Chu Parish, Bien Hoa, Dong Nai.
- 282 Nguyễn Phong Vũ:** Khai thác Xoài thơm Vĩnh Hòa vào hoạt động du lịch nông nghiệp ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang - Exploitation of vinh hoa mango for agricultural tourism activities in tan chau town, an giang province.
- 288 Trần Tấn Đạt:** Vai trò của Du lịch Giáo dục trong việc quảng bá di sản lịch sử và văn hóa: Nghiên cứu trường hợp Khu Nhà Mồ Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang - The Role of Educational Tourism in Promoting Historical and Cultural Heritage: A Case Study of Ba Chuc Memorial House in Tri Ton District, An Giang Province.
- 293 Tăng Văn Thôn - Thạch Vi Rã:** Tìm hiểu về một số loại nhạc cụ trong nền âm nhạc dân gian Khmer - Learning about some types of musical instruments in khmer folk music.
- 300 Lê Thị Diễm Phúc - Trầm Thanh Tuấn:** Chất liệu tri thức dân gian trong thơ Khmer đương đại trên các ấn phẩm văn nghệ Trà Vinh chữ Khmer - The role of folk knowledge in contemporary khmer poetry: a study of tra vinh literature and arts magazine in khmer language.
- 307 Cao Thị Lệ Hằng - Phạm Thị Yến - Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Ngô Thị Hoài Ân - Nguyễn Thị Thanh Thuý - Nguyễn Thị Kim Oanh:** Giáo dục sức khỏe và vệ sinh cá nhân cho trẻ em tộc người rục (dân tộc Chứt) tại tỉnh Quảng Bình - Health and personal hygiene education for ruc children (chut ethnic group) in quang binh province.

# ĐỔI MỚI CƠ CHẾ ĐÀO TẠO VÀ GIÁM SÁT HÒA GIẢI VIÊN THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM: ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP QUỐC TẾ

DƯƠNG VĂN QUÝ  
HVCH. Trường Đại học Kinh tế - Luật,  
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 17/01/2025. Sửa chữa xong 23/01/2025. Duyệt đăng 23/01/2025.

## Abstract

Commercial mediation is gradually becoming an effective method of dispute resolution. However, the training and supervision mechanisms for commercial mediators in Vietnam still exhibit numerous limitations, failing to meet the requirements of international integration. This article analyzes the current legal framework, compares international experiences, and proposes innovative solutions to enhance the quality of training, improve supervision, and promote the profession of commercial mediators in Vietnam.

**Keywords:** Mediation; Commercial mediation; Commercial mediator.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động thương mại tại Việt Nam diễn ra với tần suất và quy mô lớn. Điều này kéo theo sự gia tăng tất yếu của các tranh chấp thương mại, đặt ra yêu cầu cấp thiết về một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Hòa giải thương mại, với những ưu điểm vượt trội như tính linh hoạt, khả năng bảo mật và duy trì mối quan hệ hợp tác giữa các bên, đang dần khẳng định vị thế là một phương thức giải quyết tranh chấp tối ưu.

Tuy nhiên, hiệu quả của hòa giải thương mại phụ thuộc rất lớn vào năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ hòa giải viên. Hòa giải viên đóng vai trò trung tâm trong việc hỗ trợ các bên xác định bản chất tranh chấp, đàm phán và thúc đẩy quá trình hòa giải diễn ra thành công<sup>1</sup>. Do đó, việc xây dựng một đội ngũ hòa giải viên thương mại có chất lượng cao là yếu tố then chốt để phát triển phương thức giải quyết tranh chấp này tại Việt Nam.

Thực tiễn cho thấy, cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại ở Việt Nam hiện nay đang bộc lộ nhiều hạn chế. Chương trình đào tạo còn thiếu tính hệ thống và chuyên sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực hòa giải viên chưa thống nhất và đồng bộ. Công tác giám sát hoạt động hòa giải viên còn nhiều bất cập, ảnh hưởng đến tính minh bạch và uy tín của hòa giải thương mại.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, bài viết này tập trung phân tích thực trạng cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao chất lượng đội ngũ hòa giải viên, góp phần phát triển hòa giải thương mại một cách bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

## 2. Tổng quan về hòa giải thương mại và hòa giải viên thương mại

### 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hòa giải thương mại

Hòa giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập ngoài tòa án, được chính

1) Marian Liebmann (2000), *Mediation in Context*, Jessica Kingsley Publishers, United Kingdom, tr. 11

Email: quydv23610@sdh.uel.edu.vn

thức công nhận lần đầu tiên tại Việt Nam vào năm 2017 với sự ra đời của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Theo đó, hòa giải thương mại được định nghĩa là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp<sup>2</sup>. Đây là một công cụ quan trọng nhằm giảm tải áp lực cho hệ thống tòa án, đồng thời tạo điều kiện để các bên tranh chấp tìm kiếm giải pháp phù hợp với lợi ích chung.

Hòa giải thương mại, với bản chất là phương thức giải quyết tranh chấp phi tố tụng dựa trên khả năng tự định đoạt một cách tối thượng của các bên trong tranh chấp<sup>3</sup>. Tính tự nguyện trao quyền chủ động cho các bên trong việc lựa chọn và kiểm soát quá trình hòa giải. Tính linh hoạt cho phép các bên tự do thiết kế quá trình hòa giải, từ thủ tục, hình thức đến nội dung, tối ưu hóa thời gian và chi phí. Sự trung lập của hòa giải viên đảm bảo tính khách quan và công bằng, giúp các bên tìm kiếm giải pháp cùng có lợi. Tính bảo mật tạo dựng môi trường an toàn và tin cậy để các bên chia sẻ thông tin, thúc đẩy quá trình hòa giải thành công. Chính sự cộng hưởng của các đặc trưng này đã tạo nên sức mạnh riêng biệt cho hòa giải thương mại.

## 2.2. Vai trò của hòa giải viên thương mại

Hòa giải viên thương mại, với tư cách là bên thứ ba tham gia vào quá trình hòa giải, đóng vai trò chủ động trong việc hỗ trợ các bên. Họ không chỉ giúp các bên xác định vấn đề, mà còn chủ động kiến tạo môi trường trao đổi thông tin cởi mở, từ đó dẫn dắt các bên đến với giải pháp chung<sup>4</sup>. Khác với thẩm phán hoặc trọng tài viên, hòa giải viên không đưa ra quyết định mà chỉ đóng vai trò trung gian, giúp các bên tự đưa ra giải pháp phù hợp với lợi ích của họ.

Để đảm nhận vai trò này, hòa giải viên cần có kiến thức pháp luật sâu rộng, kỹ năng đàm phán, quản lý xung đột, và đạo đức nghề nghiệp cao. Họ phải đảm bảo tính trung lập, không thiên vị bất kỳ bên nào, đồng thời duy trì sự bảo mật trong toàn bộ quá trình hòa giải. Vai trò của hòa giải viên không chỉ giới hạn ở việc thúc đẩy đàm phán mà còn đảm bảo rằng các bên đạt được thỏa thuận một cách công bằng và hiệu quả. Sự hiện diện của hòa giải viên giúp tăng cường niềm tin của các bên vào quá trình hòa giải<sup>5</sup>, góp phần nâng cao hiệu quả của phương thức này trong thực tiễn.

## 2.3. Thực trạng nghề hòa giải viên thương mại tại Việt Nam

Tại Việt Nam, nghề hòa giải viên thương mại đã được pháp luật công nhận thông qua Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Theo quy định, hòa giải viên thương mại có thể hoạt động dưới hai hình thức: hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại thuộc tổ chức hòa giải thương mại<sup>6</sup>. Trong khi hòa giải viên thương mại vụ việc được lựa chọn cho từng tranh chấp cụ thể, hòa giải viên thương mại thuộc tổ chức hòa giải thương mại hoạt động theo quy chế nội bộ của tổ chức đó và được công nhận tư cách thông qua các tiêu chuẩn do tổ chức đặt ra.

Tuy nhiên, thực trạng nghề hòa giải viên thương mại tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Các tiêu chuẩn để trở thành hòa giải viên còn mang tính chung chung, chưa làm rõ yêu cầu cụ thể về kỹ năng, kinh nghiệm, và phẩm chất đạo đức. Thêm vào đó, việc thiếu các chương trình đào tạo chuyên sâu và hệ thống cấp chứng chỉ nghề nghiệp khiến chất lượng đội ngũ hòa giải viên không đồng đều. Cơ chế giám sát cũng chưa được triển khai một cách hiệu quả, dẫn đến tình trạng khó kiểm soát chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của hòa giải viên. Những yếu tố này làm giảm niềm tin của các bên tranh chấp vào phương thức hòa giải, ảnh hưởng đến sự phát triển của nghề hòa giải viên thương mại tại Việt Nam.

Những bất cập trên cho thấy sự cần thiết phải đổi mới cơ chế đào tạo và giám sát, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của đội ngũ hòa giải viên thương mại. Đây không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong

2) Khoản 1 Điều 3 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

3) Lê Nguyễn Gia Thiện, Nguyễn Thị Ánh Dương (2023), *Hòa giải thương mại tại Việt Nam - thực trạng và kiến nghị*, Tạp Chí Nghiên cứu lập pháp, Số 3, tr. 40 – 48, trang 43

4) Riskin, Leonard L. (1982), *Mediation and Lawyers*, Ohio State Law Journal, Vol. 43(29), 29-60, tr. 34

5) Lukasz Rozdeiczner, Alejandro Alvarez de la Campa (2006), *Alternative Dispute Resolution Manual: Implementing Commercial Mediation*, International Finance Corporation, World Bank Group, tr. 9

6) Khoản 3 Điều 3 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

bối cảnh hội nhập quốc tế mà còn là nền tảng để thúc đẩy sự phát triển của môi trường kinh doanh minh bạch và lành mạnh tại Việt Nam.

### **3. Thực trạng cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại tại Việt Nam**

#### **3.1. Quy định hiện hành về tiêu chuẩn đào tạo, cấp chứng chỉ và giám sát hòa giải viên thương mại**

Hiện nay, các quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ và giám sát hòa giải viên thương mại tại Việt Nam được điều chỉnh chủ yếu bởi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Theo đó, một cá nhân muốn trở thành hòa giải viên thương mại cần đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản như: có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan<sup>7</sup>; có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên<sup>8</sup>; và có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan<sup>9</sup>. Tuy nhiên, Nghị định không quy định bắt buộc hòa giải viên phải trải qua một chương trình đào tạo chính thức trước khi hành nghề.

Về cơ chế công nhận tư cách hành nghề hòa giải viên thương mại, hòa giải viên thương mại vụ việc phải đăng ký tại Sở Tư pháp nơi diễn ra hoạt động hòa giải<sup>10</sup>. Quy trình này bao gồm việc nộp hồ sơ với các giấy tờ chứng minh tiêu chuẩn cá nhân. Trong khi đó, hòa giải viên thương mại thuộc tổ chức hòa giải thương mại được công nhận theo quy chế nội bộ của tổ chức và không cần phải đăng ký với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, các quy định hiện hành cũng không đặt ra yêu cầu về cấp chứng chỉ hành nghề cho hòa giải viên thương mại.

Giám sát hoạt động của hòa giải viên thương mại hiện chủ yếu được thực hiện thông qua việc công bố danh sách hòa giải viên đã được công nhận và thông qua báo cáo hoạt động của các tổ chức hòa giải thương mại. Tuy nhiên, cơ chế này chỉ mang tính hình thức, chưa có quy định cụ thể về việc đánh giá năng lực, kỹ năng hoặc đạo đức nghề nghiệp của hòa giải viên sau khi hành nghề.

#### **3.2. Những bất cập trong cơ chế hiện tại**

*Thứ nhất*, cơ chế hiện hành vẫn chưa xây dựng được một hệ thống tiêu chuẩn đào tạo đồng bộ và bài bản cho hòa giải viên thương mại. Mặc dù pháp luật đã đưa ra các tiêu chuẩn tối thiểu để trở thành hòa giải viên, nhưng không yêu cầu bắt buộc họ phải tham gia một chương trình đào tạo chuyên sâu. Điều này dẫn đến sự không đồng đều trong trình độ và kỹ năng giữa các hòa giải viên, đặc biệt khi họ phải xử lý các tranh chấp phức tạp hoặc có yếu tố quốc tế. Việc thiếu các quy định cụ thể về nội dung, thời lượng, cũng như phương pháp đào tạo đã làm suy giảm chất lượng đội ngũ hòa giải viên, tạo ra sự thiếu nhất quán trong việc đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

*Thứ hai*, cơ chế giám sát hoạt động của hòa giải viên thương mại vẫn chưa được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch. Hiện tại, việc giám sát chủ yếu dựa vào các quy chế nội bộ của tổ chức hòa giải hoặc các báo cáo không định kỳ từ Sở Tư pháp, mà không có một cơ quan độc lập hay một hệ thống đánh giá hiệu quả thường xuyên. Điều này khiến cho việc kiểm soát chất lượng hoạt động của hòa giải viên gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong việc đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tính minh bạch và bảo mật thông tin trong quá trình hòa giải.

*Thứ ba*, sự thiếu liên kết giữa đào tạo và giám sát là một bất cập đáng kể khác. Sau khi được công nhận, các hòa giải viên thương mại không bắt buộc phải tham gia các chương trình đào tạo nâng cao hay cập nhật kiến thức, dẫn đến nguy cơ tụt hậu về kỹ năng và kiến thức thực tiễn. Điều này đặc biệt nghiêm trọng khi họ phải xử lý những tranh chấp phức tạp, đòi hỏi sự am hiểu sâu rộng về pháp luật và kỹ năng đàm phán hiện đại.

#### **3.3. Hệ quả của những hạn chế này đối với chất lượng hòa giải viên thương mại**

Những hạn chế trong cơ chế đào tạo và giám sát đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và uy tín của đội ngũ hòa giải viên thương mại tại Việt Nam.

7) Điều a Khoản 1 Điều 7 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

8) Điều b Khoản 1 Điều 7 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

9) Điều c Khoản 1 Điều 7 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

10) Điều 8 Nghị Định 22/2017/NĐ-CP

*Thứ nhất*, việc thiếu một hệ thống đào tạo bài bản và đồng bộ khiến các hòa giải viên không được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, dẫn đến hiệu quả giải quyết tranh chấp chưa cao. Điều này làm giảm niềm tin của doanh nghiệp và cộng đồng vào phương thức hòa giải thương mại.

*Thứ hai*, thiếu cơ chế giám sát minh bạch khiến hoạt động của hòa giải viên khó được kiểm soát, làm tăng nguy cơ xảy ra các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, như tiết lộ thông tin hoặc thiên vị trong quá trình hòa giải. Những vi phạm này không chỉ gây tổn hại cho các bên tranh chấp mà còn làm suy giảm niềm tin vào hệ thống hòa giải thương mại nói chung.

*Thứ ba*, sự thiếu liên kết giữa đào tạo và giám sát dẫn đến sự thiếu hụt kỹ năng thực tiễn, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khi các tranh chấp thương mại ngày càng phức tạp và có yếu tố xuyên biên giới, đội ngũ hòa giải viên thiếu năng lực sẽ không thể đáp ứng được các yêu cầu cao từ doanh nghiệp và nhà đầu tư quốc tế, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Những hệ quả này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới toàn diện cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại nhằm đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết tranh chấp, từ đó nâng cao vị thế của hòa giải thương mại tại Việt Nam.

#### 4. Kinh nghiệm quốc tế về đào tạo và giám sát hòa giải viên

##### 4.1. Kinh nghiệm của Ấn Độ

Ấn Độ đã thiết lập một khung pháp luật toàn diện về hòa giải thương mại thông qua Luật hòa giải năm 2023, với những quy định chi tiết về tiêu chuẩn, đào tạo và giám sát hòa giải viên. Theo đó, mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch, đều có thể trở thành hòa giải viên nếu đáp ứng các tiêu chuẩn do pháp luật quy định và được các bên tranh chấp đồng thuận. Đối với hòa giải viên nước ngoài, luật cũng đặt ra yêu cầu cụ thể về trình độ học vấn, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với lĩnh vực giải quyết tranh chấp<sup>11</sup>.

Quy định về đào tạo hòa giải viên tại Ấn Độ được đặc biệt chú trọng. Theo đó, Hội đồng Hòa giải Ấn Độ (*Mediation Council of India*) có nghĩa vụ tổ chức các chương trình đào tạo bài bản, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, nhằm trang bị cho hòa giải viên các kỹ năng đàm phán, quản lý xung đột và khả năng giao tiếp hiệu quả<sup>12</sup>. Những khóa đào tạo này không chỉ đảm bảo tính chuyên nghiệp mà còn chuẩn bị cho hòa giải viên khả năng xử lý các tranh chấp phức tạp hoặc mang yếu tố quốc tế.

Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng xây dựng một hệ thống giám sát nghiêm ngặt nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ hòa giải viên. Trong đó quy định thành lập Hội đồng Hòa giải Ấn Độ (*Mediation Council of India*), một cơ quan chuyên trách với nhiệm vụ cấp, gia hạn và thu hồi chứng nhận hành nghề hòa giải. Hội đồng này cũng thực hiện giám sát chặt chẽ các tổ chức hòa giải, bảo đảm rằng hoạt động của họ tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và nghề nghiệp. Việc vi phạm các quy định về đạo đức, bảo mật hoặc xung đột lợi ích, có thể dẫn đến việc rút quyền hành nghề hoặc áp dụng các chế tài phù hợp.

##### 4.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức

Đức là một trong những quốc gia đi đầu trong việc xây dựng khung pháp luật về hòa giải thương mại, với nền tảng pháp lý vững chắc được đặt ra bởi Luật hòa giải năm 2012. Luật này quy định chi tiết về đào tạo, cấp chứng chỉ và giám sát hòa giải viên thương mại, nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong quá trình hòa giải.

Một trong những điểm nhấn của Luật hòa giải Đức là yêu cầu đào tạo bài bản dành cho hòa giải viên. Theo Điều 5 (1) Luật hòa giải Đức, hòa giải viên phải tự đảm bảo rằng họ có đủ kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn thông qua các chương trình đào tạo ban đầu và nâng cao. Chương trình đào tạo bao gồm các nội dung quan trọng như quy trình hòa giải, kỹ thuật đàm phán và giao tiếp, quản lý xung đột, cùng với các kiến thức pháp luật liên quan. Ngoài phần lý thuyết, các hòa giải viên còn được tham gia các

11) Điều 8. (1), Indian Mediation Act 2023 (*Luật hòa giải Ấn Độ 2023*)

12) Điều 38. (g), Indian Mediation Act 2023 (*Luật hòa giải Ấn Độ 2023*)

bài tập thực hành, vai trò nhập vai và được giám sát chặt chẽ. Những cá nhân hoàn thành chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 5(2) có thể được công nhận là hòa giải viên chứng nhận (*certified mediator*), giúp họ khẳng định năng lực và uy tín trong lĩnh vực hòa giải thương mại.

Bên cạnh đó, cơ chế giám sát và trách nhiệm của hòa giải viên được Đức quy định rõ ràng trong luật. Theo quy định, hòa giải viên phải đảm bảo rằng tất cả các bên tham gia hiểu rõ quy trình và nguyên tắc của hòa giải, đồng thời tham gia trên tinh thần tự nguyện<sup>13</sup>. Ngoài ra, các hòa giải viên phải tuyệt đối tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin, trừ khi có các trường hợp ngoại lệ được quy định như bảo vệ lợi ích công cộng hoặc ngăn ngừa rủi ro nghiêm trọng<sup>14</sup>. Điều này không chỉ củng cố niềm tin của các bên vào quá trình hòa giải mà còn bảo vệ sự công bằng và minh bạch trong các tranh chấp.

Hơn nữa, hệ thống chứng nhận và đánh giá hòa giải viên được quy định chi tiết nhằm đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ. Bộ Tư pháp và Bảo vệ Người tiêu dùng Liên bang (*Federal Ministry of Justice and Consumer Protection*) có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về nội dung, thời lượng đào tạo và tiêu chuẩn đối với các tổ chức đào tạo và giảng viên<sup>15</sup>. Điều này không chỉ giúp chuẩn hóa các chương trình đào tạo mà còn tạo ra sự đồng nhất về chất lượng giữa các hòa giải viên, nâng cao uy tín của họ trên trường quốc tế.

## **5. Đề xuất đổi mới cơ chế đào tạo và giám sát hòa giải viên thương mại tại Việt Nam**

### **5.1. Đổi mới đào tạo**

Để đảm bảo chất lượng đội ngũ hòa giải viên thương mại, việc đổi mới cơ chế đào tạo là yếu tố tiên quyết. Một chương trình đào tạo bài bản, kết hợp lý thuyết và thực hành, cần được xây dựng nhằm trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các hòa giải viên. Nội dung đào tạo nên bao gồm các kỹ năng mềm như đàm phán, lắng nghe chủ động, quản lý xung đột, và kỹ năng giải quyết vấn đề. Đồng thời, các học viên cần được làm quen với các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, luật pháp liên quan và các phương thức giải quyết tranh chấp hiện đại như hòa giải trực tuyến. Việc lồng ghép các tình huống thực tế, bài tập nhóm, và mô phỏng hòa giải vào chương trình sẽ giúp tăng cường tính thực tiễn và hiệu quả.

Bên cạnh đó, cần quy định rõ tiêu chuẩn đầu vào cho các cá nhân muốn trở thành hòa giải viên thương mại. Tiêu chuẩn này có thể bao gồm yêu cầu về trình độ học vấn tối thiểu, kinh nghiệm công tác trong các lĩnh vực liên quan, và các phẩm chất như đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, cơ chế cấp chứng chỉ nghề nghiệp cũng cần được thiết lập để xác nhận năng lực của hòa giải viên trước khi họ hành nghề. Các chứng chỉ này nên được phân cấp theo trình độ (ví dụ: cơ bản, nâng cao) và có thời hạn hiệu lực nhất định, yêu cầu hòa giải viên phải tham gia các khóa đào tạo bổ sung để gia hạn.

### **5.2. Hoàn thiện cơ chế giám sát**

Một cơ chế giám sát chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng và uy tín của hòa giải thương mại. Trước tiên, cần thành lập một cơ quan giám sát độc lập hoặc chuyên trách, có thẩm quyền quản lý và giám sát hoạt động của hòa giải viên thương mại. Cơ quan này có thể trực thuộc Bộ Tư pháp hoặc hoạt động như một tổ chức nghề nghiệp độc lập, với các chức năng như cấp chứng chỉ, theo dõi hiệu quả hoạt động của hòa giải viên, và xử lý các vi phạm nghề nghiệp.

Việc xây dựng hệ thống đánh giá định kỳ dựa trên các tiêu chí minh bạch sẽ giúp đảm bảo rằng các hòa giải viên duy trì được chất lượng và tuân thủ các quy định pháp luật cũng như đạo đức nghề nghiệp. Các tiêu chí đánh giá có thể bao gồm tỷ lệ hòa giải thành công, mức độ hài lòng của các bên tranh chấp, và việc tuân thủ quy tắc bảo mật. Báo cáo đánh giá nên được công khai, đồng thời các hòa giải viên không đạt yêu cầu cần được đào tạo bổ sung hoặc tạm thời đình chỉ hành nghề.

Hơn nữa, cần áp dụng các biện pháp chế tài nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm của hòa giải

13) Section 2 (3), Germany Mediation Act 2012, (*Luật hòa giải Đức 2012*)

14) Section 4, Germany Mediation Act 2012, (*Luật hòa giải Đức 2012*)

15) Section 6, Germany Mediation Act 2012, (*Luật hòa giải Đức 2012*)

viên. Các vi phạm như tiết lộ thông tin bảo mật, thiên vị trong quá trình hòa giải, hoặc thiếu trung thực cần bị xử lý kịp thời, có thể thông qua các hình thức như phạt tiền, đình chỉ chứng chỉ hoặc rút quyền hành nghề.

### 5.3. Hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, việc gia nhập Công ước Singapore về hòa giải thương mại quốc tế sẽ giúp Việt Nam đồng bộ hóa khung pháp lý với các tiêu chuẩn quốc tế. Các nguyên tắc này không chỉ tạo nền tảng pháp lý vững chắc mà còn tăng cường niềm tin của các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào hệ thống giải quyết tranh chấp tại Việt Nam.

Ngoài ra, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế có uy tín trong lĩnh vực hòa giải thương mại, như Trung tâm Hòa giải Singapore (SMC) hoặc Chartered Institute of Arbitrators (CI Arb) của Anh Quốc. Việc hợp tác này không chỉ giúp Việt Nam học hỏi kinh nghiệm trong việc đào tạo và giám sát hòa giải viên, mà còn tạo cơ hội để đội ngũ hòa giải viên trong nước tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, mở rộng kỹ năng và kiến thức của họ.

Hội nhập quốc tế cũng mở ra cơ hội phát triển các nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) tại Việt Nam, phù hợp với xu thế số hóa và đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần xây dựng các chương trình đào tạo chuyên biệt cho hòa giải viên về kỹ năng sử dụng công nghệ trong hòa giải, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn về bảo mật thông tin và quyền riêng tư trong môi trường trực tuyến.

## 6. Kết luận

Có thể thấy, việc nâng cao chất lượng đào tạo và thiết lập một cơ chế giám sát hiệu quả là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả của phương thức hòa giải thương mại, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Để hiện thực hóa các đề xuất, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, tổ chức đào tạo, và cộng đồng doanh nghiệp. Chỉ khi có sự phối hợp đồng bộ, các giải pháp đổi mới mới có thể triển khai thành công, góp phần nâng cao uy tín của hòa giải thương mại và thúc đẩy môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Chính Phủ (2017), *Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 về Hòa giải thương mại*.
- [2] Indian Mediation Act 2023 (*Luật hòa giải Ấn Độ 2023*).
- [3] Germany Mediation Act 2012, (*Luật hòa giải Đức 2012*).
- [4] Marian Liebmann (2000), *Mediation in Context*, Jessica Kingsley Publishers, United Kingdom.
- [5] Lê Nguyễn Gia Thiện, Nguyễn Thị Ánh Dương (2023), *Hòa giải thương mại tại Việt Nam - thực trạng và kiến nghị*, Tạp Chí Nghiên cứu Lập pháp, số 3, tr. 40-48.
- [6] Lukasz Rozdeiczcer, Alejandro Alvarez de la Campa (2006), *Alternative Dispute Resolution Manual: Implementing Commercial Mediation*, International Finance Corporation, World Bank Group.
- [7] Riskin, Leonard L. (1982), *Mediation and Lawyers*, Ohio State Law Journal.